

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/02/2024

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.
- Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;
- Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 543/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2023 về tranh chấp: "Xin ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐ-ST, ngày 31/01/2024 giữa các đương sự:

- * Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975. (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- * Bị đơn: Bà Nguyễn Trần Ánh M, sinh năm 1980. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình trong quá trình giải quyết vụ án ông H trình bày:

Tôi và vợ là Nguyễn Trần Ánh M tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Cai Lay, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Ấp 3, xã L, huyện C đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tôi thường xuyên nhường nhịn vợ vì không muốn hạnh phúc gia đình đổ vỡ, nhưng càng cố gắng thì mâu thuẫn càng trầm trọng, nhận thấy tình cảm không còn. Do đó tôi có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: tôi yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Trần Ánh M.
- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh năm 2001 và Nguyễn Thành D, sinh ngày 29/7/2016. Do cháu T đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu D ông H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Trần Ánh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Bị đơn bà Nguyễn Trần Ánh M có địa chỉ tại Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Nguyễn Trần Ánh M vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H, bà M.

[3] Về yêu cầu của ông Nguyễn Văn H: Ông H trình bày ông và bà M có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 30/8/2001, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới ông H và bà M sinh sống tại ấp 3, xã L đến năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không còn hợp nhau về tính tình, nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù đã nhiều lần ông H nhường nhịn vợ để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm, giữ hạnh phúc gia đình, nhưng không được. Vợ chồng ông H, bà M đã ly thân từ năm 2021 đến nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông H có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn với bà M. Đối với bà Nguyễn Trần Ánh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu xin ly hôn của ông H. Từ đó, thấy rằng mâu thuẫn giữa ông H và bà M là trầm trọng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H, cho ông H được ly hôn với bà M.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh năm 2001 và Nguyễn Thành D, sinh ngày 29/7/2016. Do cháu T đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu D ông H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu T đã trưởng thành, còn cháu D hiện đang chung sống với ông H, đang được ông H chăm sóc tốt về mọi mặt, đồng thời yêu cầu này của ông H cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu D, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về con chung của ông H, giao cháu D cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con do ông H chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H. Cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Trần Ánh M.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 29/7/2016 cho ông Nguyễn Văn H chăm sóc nuôi dưỡng, bà Nguyễn Trần Ánh M không phải cấp dưỡng nuôi con

Bà Nguyễn Trần Ánh M được quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản bà M thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018184 ngày 30/10/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, cần trừ xem như đã nộp xong án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- UBND xã L, HCL, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa